

KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ TRÀ THỦY  
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 13/3/2024 của UBND xã Trà Thủy)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đánh giá kết quả thực hiện						
			ĐVT	KL theo QH (đáp ứng BTC)	Chỉ tiêu bộ tiêu chí	KL thực hiện	Tỷ lệ %	So sánh BTC	
								Tiêu chí con	Tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã	QH	01	Đạt	01	100%	Đạt	Đạt
		1.2. Quản lý và tổ chức thực hiện	QH	01	Đạt	01	100,0%	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Đường xã (Nhựa hoặc BTXM)	Km	13,32	100%	11,75	88,2%	Chưa đạt	Chưa đạt
		2.2. Đường thôn (cứng hóa)	Km	2,02	≥80%	2,02	100,0%	Đạt	
		2.3. Đường ngõ, xóm	Km	6,97	≥55%	5,43	77,9%	Đạt	
		2.4. Đường trục chính nội đồng	Km	3,78	≥55%	0,48	12,7%	Chưa đạt	
3	Thuỷ lợi và PC	1. Diện tích đất SX nông nghiệp	Ha	49	≥80%	43	87,8%	Đạt	Đạt
		2. Phòng chống thiên tai	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	Hộ	909	≥95%	900	99,0%	Đạt	
5	Trường học	CSVC tối thiểu	Trường	2	100%	2	100,0%	Đạt	Đạt
		CSVC mức độ 1	Trường	2	≥50%	1	50,0%	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã, cụ thể:	Công trình	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Chưa đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo QĐ, cụ thể:	Công trình	1	Đạt	0	0,0%	Chưa đạt	

		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Thôn	6	100%	6	100,0%	Đạt	
7	CSHT thương mại NT	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Công trình		Có	Không xét		Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Công trình	1	Có	1	100,0%	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Xã	1	Có	1	100,0%	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Công trình	1	Có	1	100,0%	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Xã	1	Có	1	100,0%	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Nhà	0	Không	0		Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Nhà	694	≥75%	663	95,5%	Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm	2021	≥36				Chưa đạt
			Năm	2022	≥39				
			Năm	2023	≥42	16	38,1%	Chưa đạt	
			Năm	2024	≥45				
			Năm	2025	≥48				
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Hộ	911	≤13%	364	39,96%	Chưa đạt	Chưa đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Lao động	1831	≥70%	940	51,3%	Chưa đạt	Chưa đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Lao động	1831	≥20%	564	30,8%	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	HTX	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Chưa đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	MH	1	Đạt	0	0,0%	Chưa đạt	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương (nếu có, keo là cây chủ lực)	SP	1	≥01	1	100,0%	Đạt	

		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Xã		Có	Không xét		Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Xã	1	Có	1	100,0%	Đạt	
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ:	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	Học sinh		$\geq 70\%$	?	87,0%	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Người		$\geq 90\%$		100,0%	Đạt	Chưa đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã	1	Đạt	0	0,0%	Chưa đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	Trẻ em		$\leq 24\%$		24,4%	Chưa đạt	
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Người		$\geq 50\%$		0,0%	Chưa đạt	
16	Văn hóa	- Tỷ lệ thôn được công nhận danh hiệu văn hóa 3 năm liên tục	Thôn	6	$\geq 60\%$	6	100,0%	Đạt	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa 3 năm liên tục	Hộ		$\geq 60\%$		80,0%	Đạt	
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Hộ	909	$\geq 20\%$	364	33,6%	Đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Cơ sở	0	$\geq 90\%$	0	0,0%	Đạt	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Xã	1	Đạt	0	0,0%	Chưa đạt	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	m <sup>2</sup> /người		$\geq 2$			Chưa đạt	

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Xã	1	Đạt	0	0,0%	Chưa đạt	Chưa đạt	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	Xã		$\geq 70\%$			32,3%		Chưa đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Xã	1	100%	0,5	50,0%	Chưa đạt		
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	Hộ	794	$\geq 70\%$	180	22,7%	Chưa đạt		
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	Cơ sở		$\geq 60\%$	Không xét		Đạt		
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Hộ, Cơ sở		100%		100,0%	Đạt		
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	Hộ		$\geq 30\%$		32,3%	Đạt		
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Xã	1	$\geq 30\%$	0,1	10,0%	Chưa đạt		
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt		
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt		
18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Tổ chức	6	100%	6	100,0%	Đạt				
18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt				

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Xã	1	Có	1	100,0%	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Xã	1	Đạt	1	100,0%	Đạt	